

TCVN

TIÊU CHUẨN QUỐC GIA

**TCVN 11901-3:2017
ISO 2426-3:2000**

**GỖ DÁN - PHÂN LOẠI THEO NGOẠI QUAN BỀ MẶT -
PHẦN 3: GỖ MỀM**

Plywood - Classification by surface appearance - Part 3: Softwood

HÀ NỘI - 2017

Lời nói đầu

TCVN 11901-3:2017 hoàn toàn tương đương với ISO 2426-3:2000.

TCVN 11901-3:2017 do Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia TCVN/TC89 *Ván gỗ nhân tạo* biên soạn, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đề nghị, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.

Bộ tiêu chuẩn TCVN xxxx (ISO 2426), *Gỗ dán – Phân loại theo ngoại quan bề mặt*, gồm các tiêu chuẩn sau :

- TCVN 11901-1:2017 (ISO 2426-1:2000), *Phần 1 : Nguyên tắc chung*
- TCVN 11901-2:2017 (ISO 2426-2:2000), *Phần 2 : Gỗ cứng*
- TCVN 11901-3:2017 (ISO 2426-3:2000), *Phần 3 : Gỗ mềm*

Gỗ dán – Phân loại theo ngoại quan bề mặt – Phần 3: Gỗ mềm

Plywood – Classification by surface appearance – Part 3: Softwood

1 Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này quy định các đặc điểm và giới hạn của các đặc trưng vốn có của gỗ và khuyết tật cho phép trong quá trình sản xuất thông qua việc đánh giá gỗ dán bằng mắt để phân loại theo ngoại quan.

Tiêu chuẩn này áp dụng cho gỗ dán, có ván mỏng bề mặt được làm từ loài gỗ mềm. Tiêu chuẩn này không áp dụng đối với ván gỗ nhân tạo phủ mặt.

2 Tài liệu viện dẫn

Các tài liệu viện dẫn sau đây rất cần thiết cho việc áp dụng tiêu chuẩn này. Đối với các tài liệu viện dẫn ghi năm công bố thì áp dụng bản được nêu. Đối với các tài liệu viện dẫn không ghi năm công bố thì áp dụng phiên bản mới nhất, bao gồm cả các sửa đổi, bổ sung (nếu có).

TCVN 11901-1 (ISO 2426-1), *Gỗ dán – Phân loại theo ngoại quan bề mặt – Phần 1: Nguyên tắc chung.*

3 Phân loại theo ngoại quan bề mặt

3.1 Các loại ngoại quan

Đánh giá các đặc trưng và khuyết tật để xác định loại các ngoại quan phải được tiến hành theo TCVN 11901-1 (ISO 2426-1). Phân loại bề mặt phải dựa trên các đặc trưng và khuyết tật được phép trong mỗi loại ngoại quan theo quy định trong 3.2.

3.2 Các đặc trưng và khuyết tật được phép

3.2.1 Quy định chung

Từng bề mặt phải được xếp vào một trong các loại ngoại quan E, I, II, III, IV được xác định bởi các đặc trưng được phép theo Bảng 1 và các khuyết tật được phép theo Bảng 2.

3.2.2 Đặc trưng vốn có của gỗ

Phân loại theo các đặc trưng vốn có của gỗ được đưa ra trong Bảng 1.

Bảng 1 – Phân loại theo các đặc trưng vốn có của gỗ

Dạng các đặc trưng		Loại ngoại quan					
		E	I	II	III	IV	
3.2.2.1	Mắt nhỏ ^a		Cho phép 3 mắt/m ²	Cho phép			
3.2.2.2	Mắt sổng		Cho phép đường kính của từng mắt tới: 15 mm, tổng đường kính mắt không quá 30 mm/m ²			Cho phép, nhưng xem CHÚ THÍCH	
			Cho phép mắt có vết nứt: Rất mỏng Mỏng		50 mm 60 mm		
3.2.2.3	Mắt không lành hoặc mắt rời và hốc mắt		Cho phép đường kính từng mắt tới: 6 mm nếu được bả matit và số lượng tối đa là 2 mắt/m ² 5 mm nếu không được bả matit. 25 mm nếu được bả matit và số lượng tối đa là 6 mắt/m ² .			Cho phép, nhưng xem CHÚ THÍCH	
3.2.2.4	Vết nứt	Hở	Cho phép nếu chiều dài vết nứt nhỏ hơn: 1/10 1/3 1/2 của chiều dài tấm với chiều rộng từng vết nứt tối đa là: 3 mm 10 mm 15 mm			Chiều dài không bị giới hạn	
		Kín	số lượng vết nứt tối đa là: 3/m 3/m 3/m của chiều rộng tấm: Nếu được bả matit Tất cả các vết nứt có chiều rộng lớn hơn 2 mm đều phải bả matit			25 mm Không giới hạn	
			Cho phép				
CHÚ THÍCH: Cho phép có các đặc trưng vốn có của gỗ, nhưng không làm ảnh hưởng tới khả năng sử dụng của ván.							
^a Mắt nhỏ: là mắt sổng có đường kính không lớn hơn 3 mm.							

Bảng 1 (kết thúc)

Dạng các đặc trưng		Loại ngoại quan				
		E	I	II	III	IV
3.2.2.5	Vết bất thường do côn trùng, hà biển và cây ký sinh gây ra	Không cho phép	Không cho phép	Không cho phép có vết cây ký sinh. Cho phép các lỗ tạo bởi côn trùng và hà biển có đường kính 3 mm theo chiều vuông góc với bề mặt tấm với số lượng tối đa 10 vết/m ² .		Cho phép, nhưng xem CHÚ THÍCH
3.2.2.6	Vết túi nhựa và lộn vò		Không cho phép	Cho phép chiều rộng tối đa 6 mm nếu được bảo matit		
	Vết nhựa	Không cho phép	Cho phép nếu nhỏ		Cho phép	
3.2.2.7	Cấu trúc bất thường ở gỗ	Hầu như không có	Cho phép nếu rất mỏng nếu mỏng		Cho phép	
3.2.2.8	Bị biến màu nhưng gỗ không bị phá hủy		Cho phép nếu có ít sự khác biệt		Cho phép	
3.2.2.9	Mục do nấm gây phá hủy gỗ	Không cho phép	Không cho phép			
3.2.2.10	Các đặc trưng khác	Hầu như không có	Cần được xem xét cụ thể và đưa vào nhóm có đặc trưng gần sát nhất			
CHÚ THÍCH: Cho phép có các đặc trưng vốn có của gỗ, nhưng không làm ảnh hưởng tới khả năng sử dụng của ván.						
* Mất nhò: là mắt sống có đường kính không lớn hơn 3 mm.						

3.2.3 Các khuyết tật trong quá trình sản xuất

Phân loại theo các khuyết tật trong quá trình sản xuất được đưa ra trong Bảng 2.

Bảng 2

Dạng các khuyết tật		Loại ngoại quan				
		E	I	II	III	IV
3.2.3.1	Mối ghép hở	Không cho phép	Không cho phép	Cho phép chiều rộng tối đa		
				3 mm	10 mm	25 mm
				Số lượng tối đa		
				1/m	2/m	Không giới hạn
				Cửa chiều rộng tấm có mối ghép		
				Cần được bả matit nếu mối ghép có chiều rộng hơn 1 mm	Không cần bả matit	Không cần bả matit
3.2.3.2	Chờm			Cho phép có chiều dài chờm tối đa 100 mm và tối đa 1 mối/m ²	Cho phép tối đa 2 mối/m ²	Cho phép, nhưng xem CHÚ THÍCH
3.2.3.3	Phồng rộp			Không cho phép		
3.2.3.4	Lỗ rỗng, vết lõm và vết lòi			Cho phép nếu nhỏ	Cho phép	
3.2.3.5	Độ nhám			Cho phép nếu nhỏ	Cho phép	
3.2.3.6	Vết do đánh nhẵn			Cho phép diện tích vết tối đa		
				Không cho phép	1 %	5 %
				trên bề mặt tấm ván		
						Cho phép, nhưng xem CHÚ THÍCH
3.2.3.7	Vết keo loang			Cho phép nếu nhỏ và không nhiều		Cho phép, nhưng xem CHÚ THÍCH
					tối đa 5 % diện tích bề mặt tấm	

CHÚ THÍCH: Cho phép có các khuyết tật trong quá trình sản xuất, nhưng không làm ảnh hưởng tới khả năng sử dụng của ván.

Bảng 2 (tiếp và kết thúc)

Dạng các khuyết tật		Loại ngoại quan				
		E	I	II	III	IV
3.2.3.8	Các dị vật	Không cho phép	Không cho phép	Không cho phép các dạng kim loại		
3.2.3.9	Sửa chữa:	Hầu như không có	Cho phép nếu đã sửa chữa và chèn chặt tối đa là			
	1) Miếng vá		5 miếng/m ²	không giới hạn		
	2) Miếng chêm	Không cho phép		Không cho phép	Cho phép trong giới hạn được qui định cho từng dạng	
3.2.3.10	Khuyết tật cạnh tấm do đánh nhẵn hoặc cưa cắt	Hầu như không có	Cho phép tối đa			
			2 mm tính từ cạnh vào	5 mm tính từ cạnh vào	5 mm tính từ cạnh vào	Cho phép, nhưng xem CHÚ THÍCH
3.2.3.11	Các dạng khuyết tật khác	Cần xem xét cụ thể và đưa vào nhóm có khuyết tật gần sát nhất				
CHÚ THÍCH: Cho phép có các khuyết tật trong quá trình sản xuất, nhưng không làm ảnh hưởng tới khả năng sử dụng của ván.						

Thư mục tài liệu tham khảo

- [1] TCVN 5695 (ISO 1096) Gỗ dán – Phân loại
 - [2] TCVN 7752 (ISO 2074), Gỗ dán – Từ vựng
 - [3] TCVN 11901-2 (ISO 2426-2), Gỗ dán – Phân loại theo ngoại quan bề mặt – Phần 2: Gỗ cứng.
-